

THAM ĐÍNH MỘT SỐ CHỮ CỦA TRUYỆN KIỀU QUA BẢN TUỒNG KIỀU CHỮ NÔM CỔ "THÙ THẾ TÂN THANH TRUYỆN"

Vở tuồng chữ Nôm cổ THÙ THẾ TÂN THANH TRUYỆN (酬世新聲傳 sau đây xin gọi vắn tắt là Tuồng Kiều) này nằm trong pho tuồng cung đình đồ sộ, mà bản chữ Nôm gốc hiện lưu giữ tại thư viện Vương quốc Anh (Luân Đôn).

Về nội dung vở tuồng này theo khá gần TRUYỆN KIỀU của thi hào Nguyễn Du. Đặc điểm của vở này nằm ở phân lời ca, điệu hát, các bài thi vịnh... ngôn từ rất bóng bẩy chuẩn xác, có nhiều chữ Hán và chữ Nôm hiếm lạ, chữ dùng và các điệu ca từ khiến ta nghĩ rằng tác giả phải là một bậc cự nho, có thể là một vị đường quan có danh dưới triều Nguyễn. Đặc biệt vở này sử dụng rất nhiều câu Kiều nguyên xi hoặc có cải biên một ít làm các câu hát Nam, nhờ vào các câu "tập" Kiều này chúng ta có thể ít nhiều giải quyết, tham đính một số chữ dị bản của Truyện Kiều, hoặc một số vấn đề về văn nghĩa câu Kiều, cũng nên nhắc lại là niên đại của bộ tuồng này khoảng cuối thế kỷ 19, tức là có trước cả bản Kiều Nôm của Kiều Oánh Mậu (KOM,1902), bản Quan Văn Đường của nhóm Chu Mạnh Trinh (QVĐ,1906), và bản Kiều Nôm Chiêm Vân Thị (CVT, có sau bản Kiều Oánh Mậu), là các bản Kiều Nôm được đánh giá là cũng khá cổ và có giá trị, do đó ý nghĩa tham đính của bản tuồng rất đáng xem xét. Tất nhiên với tư duy lôgic nghiêm túc chúng tôi phải thừa nhận là bản tuồng không đủ căn cứ để hiệu đính một cách chính xác các chữ dị bản trong truyện Kiều, mà chủ yếu dựa trên sự so sánh tổng hợp để phân định chữ dị bản nào là phù hợp hơn, đồng thời có thể hiểu rõ thêm ý nghĩa của một số từ cổ, cách nói cổ.v.v. Chúng tôi cũng chỉ tập trung vào những dị bản có chênh lệch về văn nghĩa chứ nếu chỉ là những câu chữ đồng nghĩa, gần nghĩa (như *đến* hay là *tới*, *hai mặt* hay *hai miêng* .v.v.) thì nghĩ không nên vắn vẹo làm gì.

1./ Xét đoạn truyện Kiều, theo bản Bùi Kỳ và đa số các bản Quốc ngữ phổ thông:

諾 嫩 隔 買 籬 紉

仍 罨 濫 晒 忱 夭 祝 蒙

枚 哈 邂 逅 相 逢

返 旬 妬 剪 妥 悉 尋 花

157 "Nước non cách mấy buồng **thêu**

Những là trộm dẫu thâm yêu chốc mòng

159 May thay giải cầu tương phùng

Gặp tuần **đổ** lá thỏa lòng tìm hoa"

Chữ *buồng thêu* ở câu 157 bản Kiều Oánh Mậu và nhiều bản Nôm khác để là *buồng điều* (đào) cho thấy có sự không thống nhất ở chữ cuối, còn câu hát trong vở Tuồng Kiều lại ghi là *nguồn điều* (源桃), chúng tôi nhận thấy *nguồn điều* (đào) có vẻ

hay hơn chữ *buồng thêu* hay *buồng điều*. *Buồng thêu* hàm ý nơi thâm viện xa cách khó vào tuy cũng hợp lý, nhưng *nguồn đào*, hàm ý chỉ chốn *Thiên thai* trong tích Lưu - Nguyễn gặp tiên, ý cách trở xa vời và "lãng mạn" hơn *buồng thêu*, bởi dù vào tận nơi núi non cũng chắc gì đã tìm được chốn *Thiên thai* nơi tiên ở, nó lại đi với hai chữ *nước non* ở đầu câu rất hợp. Gần đây nhờ phong trào sưu tầm và công bố các bản Kiều Nôm cổ mà chúng tôi được biết bản Lâm Noạ Phu (1870) cũng theo chữ "*nguồn đào*", nên biết dị bản này đã có tồn tại trên thực tế chứ không phải tác giả vờ tuồng "ngụy tạo". Ngoài ra nhờ các phát hiện của GS Nguyễn Tài Cẩn, Ngô Đức Thọ, Đào Thái Tôn ... về vết tích chữ huý thời Lê trong Truyện Kiều, chúng tôi đi đến một cách lý giải cho dị bản này như sau: Nguyên tác có thể là chữ "*nguồn đào*", nhưng chữ đào (桃) gần tự dạng với chữ điều (桃 tên huý của vua Lê Hiển Tông), do bộ mộc (木) rất dễ làm với bộ thị (丶) nên đã được viết huý với bộ mịch (糸) thành ra là "*nguồn thêu 源 紉*". Mà "*nguồn thêu*" thì quá vô nghĩa nên người sau đã sửa thành *buồng thêu* (chữ Nôm *buồng 穠* cũng có thể dùng chữ Hán *phòng 房*, tự dạng hơi giống chữ "*nguyên*" 源 là "*nguồn*"). Do "*buồng thêu*" khá ăn nhập ý nghĩa cả đoạn thơ nên đã được phổ biến về sau, nhưng cũng có bản đã khôi phục lại được chữ đào ban đầu thành *buồng điều*, cho nên câu này có tới 3 dị bản như trên.

2./ Chữ *đỏ lá 妬葉* câu 160 ở trên, cả ba bản Kiều Nôm KOM, QVĐ, CVT đều ghi là *đỏ lá 覩葉*, nhiều bản phương và các bản quốc ngữ danh tiếng nhất thì để là *đỏ lá*, có lẽ vì cái ý "hội đỏ lá" có vẻ hợp lý dễ hiểu. Thực ra *đỏ lá* có thể là nguyên tác, không chỉ vì nhiều bản Nôm có uy tín đã viết như vậy, mà chính bởi ý nghĩa sâu sắc của từ này, chữ *đỏ lá* liên kết với ý *lá thắm* chỉ hồng (hồng điệp xích thặng). Xin nhắc lại tích *lá thắm* là chuyện Vu Hựu đời Đường tình cờ bắt được cái *lá đỏ* trong cung vua trôi ra, trên lá có đề bài thơ, Vu Hựu bèn đề lại một bài thơ rồi thả ở đầu nguồn cho nó trôi trở vào, sau vua thả 3000 cung nhân ra, Vu Hựu lấy được Hàn Thị bảy giờ mới rõ chính Hàn Thị là người đã "thơ đề lá đỏ" với mình khi xưa. Chữ *lá thắm* hay *lá đỏ* về sau hàm ý chỉ nhân duyên hữu định, đi với chữ *giải cấu tương phùng* (không hẹn mà gặp) ở câu trên rất hợp lý, và rất văn vẻ.

Trong bản tuồng Kiều câu 160 này được "lấy" tới hai lần,

lần đầu: Gặp kỳ *đỏ lá* thỏa lòng tìm hoa
(逸期樹葉妥悉尋花)

lần sau: Gặp thời *đỏ lá* nổi lòng tìm hoa
(逸時樹葉妥悉尋花)

Lại có câu hát của nhân vật Kiều khẳng định chính xác nghĩa của chữ *đỏ lá*:

計徐譟踏青相遇

涓御溝蘿藪連通

屯拱饒帶月嘖同

茹芝室香蘭放燮

Kể từ thưở *Đạp thanh* tương ngộ

Dòng ngự câu *lá đỏ* liền thông

Đã cùng nhau dưới nguyệt chén đồng

Nhà chi thất hương lan vừa bén.

Ngự câu tức là dòng nước trong cung vua trong tích Vu Hựu.

Tuy chữ *đổi lá* không trực tiếp khẳng định cho chữ *đỏ lá*, nhưng về ý nghĩa rõ ràng là theo ý của *đỏ lá*, chỉ mùa thu lá vàng lá đỏ rơi rụng. Cũng nên đề ý *lá đỏ* là một chữ khá thông dụng trong thơ văn xưa, bằng chứng ở vở tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên rất nổi tiếng ở miền Nam có câu hát khá hay:

Muốn Thiết, Kim môi buộc *chi điều*

Cùng Lâm, Thạch thơ đề *lá đỏ*....

Còn chính trong Truyện Kiều thì các chữ hồng diệp, xích thăng, lá thắm, chi hồng ... cũng sử dụng khá thường xuyên, ví như câu 267-268:

Thâm nghiêm kín cổng cao tường

Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh

hoặc câu 333-334:

Dù khi lá thắm chi hồng

Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha

hoặc:

Nàng rằng hồng diệp xích thăng

Một lời cũng đã tiếng là tương tri.

Chúng tôi có một thắc mắc nữa là bản Quan Văn Đường của Chu Mạnh Trinh vốn theo sát các bản phường, được xuất bản với ý đồ ý “phản đối” bản kinh của Kiều Oánh Mậu, nhưng riêng chữ này lại sửa theo KOM, hẳn phải có lý do gì chứ ? Ngoài ra bản Kiều Quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký ghi chữ này là “*đỏ lá*”, mà chữ Nôm đỏ vốn có bộ phận biểu âm là chữ đỏ 覩 bên chữ xích 赤 chỉ ý đỏ (覩, 赭), và đôi khi chữ *đỏ* Nôm cũng được viết bằng chính chữ *đỏ* 覩, như vậy khả năng bản Nôm gốc của Trương Vĩnh Ký dùng cũng là “*đỏ lá*”.

4./ Bây giờ xét câu Kiều 1429 bản Liễu Văn Đường 1871:

沒璘淋吉奄苔

翹瀘諾水梅痲縹霜

1429

Một sân lâm cát **đã đầy**

Giương lò nước thủy mai gầy vóc sương

Các bản Quốc ngữ đều phiên là *đã đầy*, nhưng riêng bản KOM viết rất rõ là *đã dầy* (也苔) chữ *đã dầy* KOM còn dùng để chú thích ở câu 1070 "Hoa sao hoa khéo *đọa dầy* bầy hoa" rằng: "*đọa dầy* nhất tác *đã dầy*" tức có bản đổi *đọa dầy* ra *đã dầy*. Mà trong bản tuồng Kiều chúng ta đang xét thì chính câu 1070 trên được lấy là "Hoa sao hoa khéo *đã dầy* bầy hoa", rõ ràng chữ *đã dầy* theo văn cảnh câu này không thể hiểu theo nghĩa hiện đại là "đầy rồi", đây chính là một từ cổ ý nghĩa na ná như *đọa dầy*, và âm đọc khác của nó là *đã dầy* hay *đã dầy*. Chúng tôi không thạo lắm về lịch sử ngữ âm học tiếng Việt nên không dám chắc thời Nguyễn Du đọc là *đã dầy* hay *đã dầy* nhưng nghĩa thì nhất định không thể theo nghĩa hiện đại "đầy rẫy rồi"! Tất cả các bản Kiều quốc ngữ hiện nay đều đề: "Một sân lâm cát *đã đầy*" có thể đó chính là âm xưa, nhưng để tránh người thời nay hiểu sai chữ *đã* là "rồi", *dầy* là "đầy cát, đầy đất", có lẽ nên phiên theo bản KOM là "Một sân lâm cát *đã dầy*"... Cũng nên để ý tiếng Việt cổ thường có hiện tượng dùng lẫn hai phụ âm d/đ, và vẫn còn lưu lại đến tận ngày nay, ví dụ rất quen thuộc đó là cây *đa* cũng còn gọi là cây *da*

5./ Xét câu Kiều 963 (bản KOM là 965): "*Thôi đà cướp sống **chông min** đi rồi*". (催它劫蟒馱綿多末). Các bản Phường lại đề là "*Thôi đà cướp sống của (賁) min đi rồi*" nên nhiều người giải *của* là vốn liếng của Tú Bà bỏ ra mua Kiều. Còn câu chửi của Tú Bà trong vở tuồng này là:

Gớm cha tuồng thất nghiệp lại lẩn chúa làng

*Có khi toan cướp sống **chông min** đi chắc*

Như vậy vở Tuồng Kiều theo chữ "*chông min*".

Ngoài ra bản tuồng lại có câu Kiều ngăn Kim Trọng "xin đừng điều hoa nguyệt" như sau:

Đạo vợ chông là nên cần thủy

Sự nguyệt hoa xin hãy để dành

Rời ra đây lục lễ phân minh

***Của** còn đây xin tha đừng vội*

như vậy "của" còn cái ý bóng gió khác nữa là "cái trinh" của người con gái, chứ không phải chỉ có nghĩa đen là tiền của như một số người giải ở trên!

6./ Xét câu Kiều 371 "***Cần** dâng một lễ xa đem tác thành*" theo bản KOM và CVT, bản phường đề là "*Biện* dâng...". Bản Tuồng Kiều có câu hát của Vương ông:

"Ồ ! Nay là ngày sinh nhật ngoại thân
Ta phải đi dâng một lễ **cần**"...

Vậy "**cần** dâng" không phải là do Kiều Oánh Mậu sửa, mà đã có ở các bản Kiều cổ hơn, cụ Nguyễn Văn Tố có giải **cần** là rau cần, chỉ thứ lễ vật giản dị của người nhà quê.

7./ Xét câu Kiều 139

雪印色馭駒眸

Tuyết in sắc ngựa câu **dòn** ³

Bản Nôm Kiều Oánh Mậu viết chữ **dòn** như trên và chú âm ở bên cạnh "gì còn thiết" tức là đọc **giòn** và chú thêm là : sắc tuyết in sắc ngựa trắng càng phô ra. Có bản Phường lại để bộ nạch 冫 đọc là **chôn** (như chôn chân). Bản Bùi Kỳ và nhiều bản Quốc ngữ khác thì giải **dòn** là đẹp. Riêng bản Chiêm Vân Thị viết bộ túc 足 thay cho bộ nhật và giải là nước kiệu **giòn** của ngựa (giòn rã).

Vậy bản Tuồng Kiều viết ra sao ? Trong vở tuồng có câu hát của chính Kim Trọng:

*Chiếc đồng tiêu vó câu **giòn** là ba*

Chúng tôi thấy **giòn** được viết có bộ túc giống bản Chiêm Vân Thị (足+存), chỉ nước kiệu **giòn** rã của ngựa, chữ này đọc **dòn** (giòn) hay **dòn** cũng được. Đa số các bản Quốc ngữ hiện đại đều giải **giòn** hay **dòn** là một sắc thái của đẹp (xinh **dòn**, tươi **dòn**), ý nghĩa thấy hay hơn nhưng không rõ có đúng nguyên tác không ? Dầu sao đã có một điều xác định được là bản Nôm Chiêm Vân Thị cũng có căn cứ ở cổ bản chứ không phải tùy tiện viết chữ **dòn** này theo ý mình.

8./ Xét câu

鞞澄覓沒文人

拚拚跣扣跣踏冰

135. *Trông chừng thấy một văn nhân*

*Lông buông tay khấu bước lằn dậm **băng***

Chữ **băng** Tổng tập văn học Việt Nam T13 giải là dậm đường bằng phẳng. Đào Duy Anh trong "*Từ điển Truyện Kiều*" giải là đường tắt (băng ngang). Riêng Chiêm Vân Thị chú rất ngắn gọn giản dị: **Băng** là *xa*, đây là một chữ cổ. Đọc thử câu "Lông buông tay khấu bước lằn dậm **xa**" thấy câu thông suốt và dễ hiểu, Nguyễn Du dùng chữ cổ "băng" chắc chỉ do yêu cầu hiệp vận với câu tiếp sau là "Đề huề lưng túi gió trăng". Tra bản Tuồng này có câu hát của Kiều:

*Phận tôi nhục tôi đành làm lẽ
Khi chồng yêu có nhờ **băng** tay.*

Như vậy *băng* là "xa", "cách xa" như Chiêm Vân Thị chú giải là đúng.

Ta còn có thể xét tới một câu ở Chinh phụ ngâm "Biếng trang điểm lòng người sầu tủi, Xót nỗi chàng ngoài cõi giang băng", ông Hoàng Xuân Hãn chú *giang băng* phải đọc là *giǎng vǎng* và giải nghĩa là chạy vạy vất vả, nhưng nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn thì câu này là "Thùy vi dung hề tâm bàn hoàn, Lang quân khứ hề cách trùng quan", chữ trùng quan không nói nên ý chạy vạy vất vả mà chỉ nói ý xa xôi cách trở, như vậy *băng* là xa dịch khá sát nguyên tác, đây là một nghi vấn xin nêu ra để các nhà nghiên cứu đánh giá.

9./ Xét câu sau (bản KOM):

院蘭強燿式紅

頭媚醜昧強濃牀天

497. Ngọn lan càng tỏ thức hồng

Đầu mày đuôi mắt càng nồng tâm yêu

Cụ Nguyễn Văn Tố giải ngọn lan là ngọn đèn bắc bằng cỏ lan. Các bản quốc ngữ đa số đều viết là "Hoa hương 花香 càng tỏ thức hồng" là do theo sát các bản Phường, nhưng bản tuồng Kiều này có câu vừa dẫn ở mục (2):

Đã cùng nhau dưới nguyệt chén đồng

Nhà chi thất hương lan vừa bén".

Bản Chiêm Vân Thị ban đầu viết ngọn lan nhưng sau sửa ra lan hương, giống như bản Tuồng Kiều nhưng đảo ngược. Chúng tôi cho rằng "ngọn lan" là đúng nguyên tác, nhưng do chữ Lan là chữ trọng huy thời Gia Long lên đã bị thay đổi đi (xin tham khảo các nghiên cứu của GS Nguyễn Tài Cẩn, Ngô Đức Thọ, Đào Thái Tôn về chữ huy trong Truyện Kiều).

HUẾ, tháng 5/2006

PHAN ANH DŨNG